

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG

Địa chỉ: Phòng 402, Khu phố 4, Phường Long Thành, Quận 9, Hà Nội

Hà Nội, Việt Nam, Thành Viên, Hà Nội

MỤC LỤC

1-1

BÁO CÁO VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ KIỂM ĐÓNG

2-1

BÁO CÁO SOÁT XÉT

BÁO CÁO T

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Tính giá trị báo cáo tài chính

3-1

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 – 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 24



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Phan Thanh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Đức	Thành viên
Ông Vũ Hữu Thịnh	Thành viên
Ông Đặng Hùng	Thành viên
Ông Hồ Ngân Chi	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Vũ Hữu Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Mai Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Đức	Giám đốc tài chính

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội, thành viên hãng Crowe Horwath International.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê chuẩn rằng, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc,



*[Handwritten signature of Phan Thanh Sơn]*

*[Handwritten signature of Vũ Hữu Thịnh]*

**Phan Thanh Sơn**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2011

**Vũ Hữu Thịnh**  
Tổng Giám đốc

2033  
NHÂN  
NG T  
HIỆM H  
M TO  
J.T.L  
M-TP

Số. 92 /2011/DTLHN - BCKT

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**

V/v: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 của  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông của  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ Tầng Mạng (“Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011 và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 24.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty thấy cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả và cơ sở công tác soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan tại Việt Nam.



Nguyễn Thành Lâm

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0299/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DTL

Văn phòng Hà Nội

Thành viên hãng Crowe Horwath International

Hà Nội ngày 12 tháng 08 năm 2011

Lê Văn Hoài

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ0023/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>20.831.287.469</b>	<b>25.513.647.394</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>693.895.557</b>	<b>6.736.780.135</b>
1. Tiền	111		693.895.557	3.736.780.135
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.054.322.771</b>	<b>15.564.488.426</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		6.366.650.450	8.161.421.786
2. Trả trước cho người bán	132		7.380.154.338	5.503.902.308
3. Các khoản phải thu khác	135	4.2	2.307.517.983	1.899.164.332
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.3</b>	<b>633.103.278</b>	<b>518.237.308</b>
1. Hàng tồn kho	141		633.103.278	518.237.308
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.449.965.863</b>	<b>2.694.141.525</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		650.106.959	549.682.435
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		31.031.787	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.4	2.768.827.117	2.144.459.090
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>48.975.931.536</b>	<b>55.181.916.070</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.573.024.814</b>	<b>52.260.860.498</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	46.062.567.844	51.748.403.530
- Nguyên giá	222		77.236.325.559	77.236.325.559
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.173.757.715)	(25.487.922.029)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.000.009	5.000.007
- Nguyên giá	228		12.000.000	12.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.999.991)	(6.999.993)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		507.456.961	507.456.961
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.402.906.722</b>	<b>2.921.055.572</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.442.901.031	1.961.049.881
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.6	832.505.691	832.505.691
3. Tài sản dài hạn khác	268		127.500.000	127.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>69.807.219.005</b>	<b>80.695.563.464</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.630.204.782</b>	<b>45.594.563.461</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25.541.858.816</b>	<b>27.427.415.805</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.7	10.394.924.534	13.466.841.044
2. Phải trả người bán	312		3.228.508.736	4.611.715.136
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.8	2.667.953.328	4.011.270.287
4. Phải trả người lao động	315		176.561.189	467.742.671
5. Chi phí phải trả	316	4.9	4.316.582.260	4.005.620.786
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.10	4.382.753.693	864.225.881
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		374.575.076	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.088.345.966</b>	<b>18.167.147.656</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	4.11	7.562.847.858	7.562.847.858
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	4.12	4.525.498.108	10.604.299.798
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>32.177.014.223</b>	<b>35.101.000.003</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.13</b>	<b>32.177.014.223</b>	<b>35.101.000.003</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.085.490.732	401.936.252
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		369.885.380	142.033.887
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		721.638.111	4.557.029.864
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>69.807.219.005</b>	<b>80.695.563.464</b>



**Vũ Hữu Thịnh**  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, Ngày 12 tháng 08 năm 2011

**Vũ Đức Trường**  
 Kế toán trưởng

*(Handwritten signature)*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	17.239.508.425	16.603.593.588
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	345.772.422	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	16.893.736.003	16.603.593.588
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	9.464.790.876	8.726.364.686
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.428.945.127	7.877.228.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		14.875.139	12.038.469
7. Chi phí tài chính	22		1.660.900.073	1.657.997.670
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.656.130.073	1.657.997.670
8. Chi phí bán hàng	24		969.447.350	599.395.739
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.3	3.901.151.372	2.606.305.566
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		912.321.471	3.025.568.396
11. Thu nhập khác	31		629.307	180.605.264
12. Chi phí khác	32		104.635.716	195.092.165
13. Lỗ khác	40		(104.006.409)	(14.486.901)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		808.315.062	3.011.081.495
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.4	276.597.856	752.770.374
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		531.717.206	2.258.311.121
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		177	753



Vũ Hữu Thịnh  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, Ngày 12 tháng 08 năm 2011

Vũ Đức Trường  
 Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Thu tiền từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14.299.079.249	11.813.344.600
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(13.741.592.568)	(7.150.911.158)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.600.131.152)	(1.426.347.992)
4. Chi trả tiền vay	04	(1.398.461.047)	(1.340.194.830)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(167.994.063)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	-
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(185.763.626)	(29.185.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.794.863.207)</b>	<b>1.866.704.920</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	(154.452.547)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài hạn	22	-	198.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.875.139	12.038.469
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>14.875.139</b>	<b>55.585.922</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33	4.422.885.368	3.009.747.882
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.494.801.878)	(5.517.538.382)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã chia cho chủ sở hữu	36	(190.980.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.262.896.510)</b>	<b>(2.507.790.500)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(6.042.884.578)</b>	<b>(585.499.658)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.736.780.135	626.207.594
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>693.895.557</b>	<b>40.707.936</b>



**Vũ Hữu Thịnh**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, Ngày 12 tháng 08 năm 2011

*(Handwritten signature)*

**Vũ Đức Trường**  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Dịch vụ Hạ tầng mạng (“Công ty”) là một Công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012994 ngày 29/06/2006 của Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 1	Ngày 06/11/2006
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 2	Ngày 13/11/2006
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 3	Ngày 06/06/2007
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 4	Ngày 30/05/2008
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 5	Ngày 23/03/2010

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND, chia thành 3.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Ngày 23/08/2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 594/QĐ-SGDHN.

Ngày 16/09/2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 205/2010/GCNCP-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty đóng tại Tầng 9, Nhà D, Khách sạn Thê Thao, Làng sinh viên Hacingo, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; và Văn Phòng đại diện của Công ty đóng tại 373/14 đường Nguyễn Kiệm, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê cơ sở hạ tầng thiết bị viễn thông;
- Mua bán, lắp đặt và sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và các thiết bị chống sét;
- Xây dựng các công trình viễn thông cột ăng ten; và
- Dịch vụ kỹ thuật đo chất lượng thiết bị mạng và chất lượng dịch vụ viễn thông tin học.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán giữa niên độ năm tài chính 2011 này bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**3.1 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

**3.2 Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới**

Trong kỳ, Công ty đã tuân thủ lập Báo cáo tài chính theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 - Sửa đổi bổ sung quyết định 15/2006/QĐ-BTC.

**3.3 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh và bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (tiếp)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thay thế Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 do Bộ Tài Chính ban hành. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 7
Máy móc, thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 7

**3.8 Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.10 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cho thuê tài sản trong kỳ là số tiền cho thuê tài sản được xác định tương ứng với thời gian trong kỳ kế toán theo nguyên tắc làm tròn tháng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.13 Thuế**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ: Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

1203  
HÀNH  
CÔNG T  
NHIỆM H  
M T C  
D.T.I  
M - TP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 Thuế (Tiếp)**

Thuế thu nhập hoãn lại (Tiếp)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cho thuê trạm 10%
- Các dịch vụ khác 10%

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CP DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG – NISCO**Tầng 9, Nhà D, Khách sạn Thê Thao, Làng sinh viên  
Hacinco, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Tiền mặt	10.621.290	24.932.319
Tiền gửi ngân hàng	683.274.267	3.711.847.816
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>693.895.557</b>	<b>6.736.780.135</b>

**4.2 Các khoản phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Phải thu tiền điện các trạm	2.162.515.115	1.680.094.864
Trung tâm Thông tin Di động khu vực IV	142.348.835	142.348.835
Phải thu khác	2.654.033	76.720.633
<b>Cộng</b>	<b>2.307.517.983</b>	<b>1.899.164.332</b>

**4.3 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	534.055.940	451.684.740
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	99.047.338	63.690.568
Hàng gửi đi bán	-	2.862.000
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>633.103.278</b>	<b>518.237.308</b>
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị thuần</b>	<b>633.103.278</b>	<b>518.237.308</b>

**4.4 Tài sản ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Tạm ứng	2.764.453.417	2.144.459.090
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.373.700	-
<b>Cộng</b>	<b>2.768.827.117</b>	<b>2.144.459.090</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.5 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND (*)	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	74.629.829.272	2.156.877.886	449.618.401	77.236.325.559
Tại ngày 30/06/2011	<u>74.629.829.272</u>	<u>2.156.877.886</u>	<u>449.618.401</u>	<u>77.236.325.559</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	24.489.807.049	757.324.105	240.790.875	25.487.922.029
Trích khấu hao	5.474.787.282	174.468.630	36.579.774	5.685.835.686
Tại ngày 30/06/2011	<u>29.964.594.331</u>	<u>931.792.735</u>	<u>277.370.649</u>	<u>31.173.757.715</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2011	50.140.022.223	1.399.553.781	208.827.526	51.748.403.530
Tại ngày 30/06/2011	<u>44.665.234.941</u>	<u>1.225.085.151</u>	<u>172.247.752</u>	<u>46.062.567.844</u>

(\*): Bao gồm các tài sản cố định là các trạm BTS hầu hết do Công ty tự xây dựng và được ghi nhận vào tài sản cố định - Nhà cửa vật kiến trúc.

Tại ngày 30/06/2011, toàn bộ trạm BTS đã hình thành dùng để thế chấp các khoản vay dài hạn ngân hàng.

**4.6 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Đây là khoản phát sinh do chênh lệch tạm thời giữa chi phí cho mục đích kết toán và thuế của khoản chi phí thuê mặt bằng các trạm BTS. Trong báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011, Công ty chưa thực hiện việc tính toán khoản thuế Thu nhập hoãn lại này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cũng như chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng sẽ được phản ánh trong báo cáo tài chính của cả năm 2011 vào thời điểm kết thúc năm tài chính.

**4.7 Vay và nợ ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>5.379.207.518</b>	<b>4.689.358.100</b>
Các khoản vay Ngân hàng	2.120.207.518	2.626.130.100
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (i)	626.322.150	626.322.150
- Ngân hàng TMCP Quốc tế (ii)	1.493.885.368	1.999.807.950
Các khoản vay cá nhân (iii)	3.259.000.000	2.063.228.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>5.015.717.016</b>	<b>8.777.482.944</b>
<b>Cộng</b>	<b>10.394.924.534</b>	<b>13.466.841.044</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.7 Vay và nợ ngắn hạn (tiếp)**

(i) Công ty đã ký một số hợp đồng tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Quân đội từ tháng 6 năm 2010. Khoản vay này có thời hạn tối đa là 12 tháng. Lãi suất cho vay là 16,5%/năm. Công ty sử dụng 11 trạm BTS bao gồm 2 trạm Hà Nội, 3 trạm khu vực Hải Dương và 6 trạm Hải Phòng làm tài sản thế chấp.

(ii) Ngày 25/06/2010, Công ty ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Quốc tế với hạn mức là 2.000.000.000 VND, để đầu tư xây dựng và cho thuê trạm BTS. Khoản vay này trong năm được nhận nợ nhiều lần, thời hạn vay từ 5 đến 9 tháng. Lãi suất cho vay 23% năm được điều chỉnh 1 tháng/lần theo từng khế ước nhận nợ. Công ty sử dụng sổ đỏ nhà riêng Tổng Giám đốc Vũ Hữu Thịnh làm tài sản thế chấp.

(iii) Trong kỳ, Công ty có ký một số phụ lục hợp đồng vay tiền của các cá nhân trong Công ty để huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với mức lãi suất là 18% đến 20%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

**4.8 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	662.059.820	2.051.677.507
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.999.825.602	1.891.221.809
Thuế thu nhập cá nhân	6.067.906	68.370.971
<b>Cộng</b>	<b>2.667.953.328</b>	<b>4.011.270.287</b>

**4.9 Chi phí phải trả**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Chi phí lãi vay phải trả	606.108.646	348.439.620
Chi phí thuế mặt bằng trạm (*)	3.710.473.614	3.657.181.166
<b>Cộng</b>	<b>4.316.582.260</b>	<b>4.005.620.786</b>

(\*): Chi phí thuế mặt bằng trạm làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại theo thuyết minh 4.6 “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại”.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Bảo hiểm xã hội, y tế	38.934.496	97.942.623
Bảo hiểm thất nghiệp	2.030.589	11.729.700
Phải trả tiền điện các trạm	1.060.868.608	282.653.558
Các khoản phải trả cổ tức	3.280.920.000	471.900.000
<b>Cộng</b>	<b>4.382.753.693</b>	<b>864.225.881</b>

**4.11 Vay và nợ dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>12.578.564.874</b>	<b>16.340.330.802</b>
Công ty Tài chính Bưu điện (i)	5.576.151.317	6.953.351.317
NH Habubank - Vạn Phúc (ii)	1.999.724.547	1.999.724.547
NH Techcombank - Ba Đình (iii)	517.500.000	603.750.000
NH TMCP QT Việt Nam - Mỹ Đình (iv)	2.535.731.449	4.122.999.213
NH TMCP Quân Đội - Mỹ Đình (v)	1.949.457.561	2.660.505.725
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>(5.015.717.016)</b>	<b>(8.777.482.944)</b>
<b>Cộng</b>	<b>7.562.847.858</b>	<b>7.562.847.858</b>

(i): Gồm nhiều khoản vay, lãi suất trung bình tại thời điểm cho vay này là khoảng 1,05%/tháng được điều chỉnh 2 lần trong một năm.

(ii): Lãi suất cho vay được tính trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 24 tháng cộng 3,64%/năm, một năm tính trên 360 ngày. Lãi suất áp dụng cho tháng đầu tiên là 12%/năm.

(iii): Là khoản vay để mua xe ô tô, có thời hạn vay trong 36 tháng, lãi suất cho vay là 14%/năm. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(iv): Lãi suất áp dụng theo thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 6 tháng một lần, thời hạn vay 60 tháng.

(v): Lãi suất cho vay 0,875%/tháng, được điều chỉnh 1 quý một lần, thời hạn vay là 36 tháng.

Các khoản vay trên (trừ khoản vay Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam) được thế chấp bằng các trạm BTS được hình thành, quyền khai thác, thu nợ từ các trạm này.

**4.12 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 30/06/2011 là khoản doanh thu do khách hàng ứng trước tiền thuê các trạm BTS của Công ty và thực hiện phân bổ doanh thu vào kỳ sau.

1203  
H. NHÀ  
ÔNG  
NHIỆM  
EM TC  
D.T.I  
M - TP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.13 Vốn chủ sở hữu**

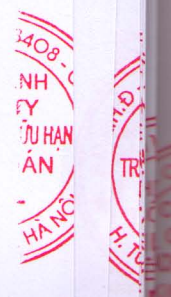
**4.13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự tài chính	Lợi nhuận phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	30.000.000.000	71.777.460	33.913.242	2.671.873.092	32.777.563.794
Lãi tăng trong năm	-	-	-	4.557.029.864	4.557.029.864
Chi trả cổ tức	-	-	-	(2.100.000.000)	(2.100.000.000)
Chia các quỹ	-	330.158.792	108.120.645	(571.873.092)	(133.593.655)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>401.936.252</b>	<b>142.033.887</b>	<b>4.557.029.864</b>	<b>35.101.000.003</b>
Tại ngày 01/01/2011	30.000.000.000	401.936.252	142.033.887	4.557.029.864	35.101.000.003
Lãi trong kỳ	-	-	-	531.717.206	531.717.206
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Chia các quỹ	-	683.554.480	227.851.493	(1.367.108.959)	(455.702.986)
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>1.085.490.732</b>	<b>369.885.380</b>	<b>721.638.111</b>	<b>32.177.014.223</b>

(\*) Xem thuyết minh số 4.14 “Cổ tức” để biết thêm thông tin chi tiết.

**4.13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên Cổ đông	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Số vốn đã góp			
	Cổ phần	tỷ lệ	Tại ngày 30/06/2011		Tại ngày 01/01/2011	
			Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Cổ phần	%	VND	%	VND	%	
Công ty Tài chính bưu điện	600.000	20,00%	1.000.000.000	3,33%	1.000.000.000	3,33%
Công ty TNHH Thiên Việt	600.000	20,00%	1.500.000.000	5,00%	1.500.000.000	5,00%
Công ty CP Vật tư Bưu điện	200.000	6,67%	2.000.000.000	6,67%	2.000.000.000	6,67%
Các cổ đông khác	1.600.000	53,33%	25.500.000.000	85,00%	25.500.000.000	85,00%
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.13.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu		

**4.13.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận thuần của các cổ đông phổ thông	531.717.206	2.258.311.121
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>177</b>	<b>753</b>

**4.14 Cổ tức**

Trong 6 tháng đầu năm 2011, Công ty đã trích cổ tức cuối năm 2010 là 10% vốn điều lệ (1.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị Quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2011.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>17.239.508.425</b>	<b>16.603.593.588</b>
Doanh thu cho thuê các trạm BTS	17.143.906.607	16.532.845.950
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác	95.601.818	70.747.638
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(345.772.422)</b>	<b>-</b>
Hàng bán bị trả lại	(345.772.422)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>16.893.736.003</b>	<b>16.603.593.588</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn cho thuê trạm BTS	9.427.337.453	8.717.214.686
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	37.453.423	9.150.000
<b>Cộng</b>	<b>9.464.790.876</b>	<b>8.726.364.686</b>

**5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.609.696.277	1.268.548.798
Chi phí vật liệu văn phòng	2.260.909	38.405.172
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	127.675.906	213.259.445
Chi phí khấu hao tài sản	209.279.070	148.201.161
Thuế và các khoản lệ phí	62.628.478	47.140.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.098.368.725	279.393.893
Chi phí khác bằng tiền	791.242.007	611.356.758
<b>Cộng</b>	<b>3.901.151.372</b>	<b>2.606.305.566</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.4 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	808.315.062	3.011.081.495
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>		
Chi phí không được khấu trừ (không hợp lệ)	60.985.608	
Lợi nhuận sau điều chỉnh	869.300.670	3.011.081.495
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ	869.300.670	3.011.081.495
Thuế suất (%)	25%	25%
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	217.325.168	752.770.374
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	59.272.688	-
Thuế TNDN trong kỳ hiện hành ước tính	276.597.856	752.770.374

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó bên liên quan của Công ty là Công ty Tài chính Bưu điện, Công ty TNHH Thiên Việt và Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện, các thành viên trong Ban giám đốc, Hội đồng quản trị của Công ty.

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch và số dư sau với các bên liên quan:

**Bán hàng**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Công ty TNHH Thiên Việt	102.300.000	-
<b>Cộng</b>	<b>102.300.000</b>	<b>-</b>

**Mua hàng**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi vay Công ty Tài chính Bưu Điện	561.654.146	806.471.951
<b>Cộng</b>	<b>561.654.146</b>	<b>813.677.150</b>

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	257.677.431	221.007.926
Thù lao của Hội đồng quản trị	56.000.000	54.000.000
<b>Cộng</b>	<b>313.677.431</b>	<b>275.007.926</b>

334  
Á  
NI  
TY  
HỮU  
CÁ  
.L  
IP.H



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**Các khoản phải thu**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Ký quỹ tại Công ty Tài chính Bưu Điện Công ty TNHH Thiên Việt (*)	100.000.000 2.179.044.163	100.000.000 2.151.876.163
<b>Cộng</b>	<b>2.279.044.163</b>	<b>2.251.876.163</b>

(\*) Đây chủ yếu là khoản phải thu tiền lắp đặt trạm 2G và 3G từ tháng 12 năm 2010.

**Vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Công ty Tài chính Bưu Điện		
- Vay dài hạn	3.250.092.920	3.250.092.920
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.326.058.397	3.703.258.397
<b>Cộng</b>	<b>5.576.151.317</b>	<b>6.953.351.317</b>

**6.2 Các cam kết quan trọng khác**

Như đã trình bày tại Thuyết minh 4.11 “Vay và nợ dài hạn”, Công ty đã thực hiện ký kết thế chấp bằng các trạm BTS sẽ hình thành trong tương lai và quyền thu nợ từ các trạm BTS này để thực hiện các khoản vay dài hạn trong kỳ.

**6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.**

Tháng 05/2011, Công ty đã công bố nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2011 thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ VND lên 80 tỷ VND bằng hình thức chào bán riêng lẻ cổ phiếu để mua lại mảng kinh doanh hạ tầng phủ sóng trong các tòa nhà cao tầng của Công ty TNHH Thiên Việt. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được sự chấp thuận phương án tăng vốn này của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cho rằng với tình hình thị trường chứng khoán hiện tại không khả quan cho việc phát hành thêm cổ phiếu, nên hiện tại Ban Giám đốc đang có dự định chưa thực hiện phương án này trong năm 2011.

**6.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội.